

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2017

V/v Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Trí

2. Bà Lê Thị Xuân

- Thư ký phiên Tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2017 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 (có mặt)

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Cùng cư trú: Thôn V, xã T, huyện N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện anh C nộp ngày 14/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới được hai bên gia đình đồng ý, có đăng ký kết tại UBND. xã T, huyện N ngày 16/11/2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 02/2017 mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân: Do tính tình không hợp; trong quan hệ

tình cảm, anh còn nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác; chị T là công chức Nhà nước, có thu nhập ổn định, anh làm công nhân nay đây mai đó không, lương không ổn định lại không có thời gian gần gia đình. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt dần. Vợ chồng quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 6/2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh C và chị T có 1 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/11/2012 đang ở với chị, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 20/7/2017 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn và thời điểm phát sinh mâu thuẫn chị thống nhất như anh C đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn chị trình bày như sau: Do mâu thuẫn về kinh tế, anh C đi làm không gửi tiền về cho chị, đồng lương của chị phải trang trải cho cả gia đình nên rất vất vả. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, anh thường hay ghen tuông nghi cho chị có quan hệ với người đàn ông khác; mâu thuẫn giữa mẹ chồng và nàng dâu. Từ những nguyên nhân đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh C sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 6/2017 đến nay. Hiện chị không có thai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: Chị thống nhất về số con chung như anh C đã trình bày. Nguyên vọng của chị xin được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T bổ sung yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 9/2017 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh C vẫn giữ nguyên quan điểm xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Trường hợp không được nuôi con, anh chấp nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ theo yêu cầu của chị T.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký và đương sự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS)

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C. Giao cho chị T trực tiếp nuôi con, anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ. Về án phí anh C chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian anh C đi làm ăn, anh nghỉ cho chị ở nhà có quan hệ với người đàn ông khác. Công việc của anh C lại không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, sinh sống chủ yếu bằng đồng lương của chị T. Quá trình chung sống vợ chồng hay cãi nhau. Dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh C và chị T chấm dứt quan hệ sinh lý từ tháng 6/2017 đến nay. Hiện chị T không có thai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt; mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Nay anh C xin được ly hôn chị T. Về phía chị T cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Anh C và chị T có 1 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/11/2012 đang ở với chị T. Ly hôn anh C và chị T đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Chị T yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về phía anh C nếu được nuôi con, anh không yêu cầu chị cấp dưỡng; trường hợp không được nuôi con, anh chấp nhận cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ. HĐXX xét thấy việc xin nuôi con của anh, chị là chính đáng; song khi giao nuôi con cần phải xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên. Đối với chị T là công chức Nhà nước, mức lương ổn định, lại công tác gần nhà có thời gian gần gũi con. Anh C công việc không được ổn định lại ít có thời gian gần con. Vì vậy, giao cho chị T trực tiếp nuôi con, anh C cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí: Anh C khởi kiện vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn, phải cấp dưỡng nên phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 56, 57, 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị T.

Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Nguyễn Trung K, sinh ngày 05/11/2012. Anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ kể từ tháng 9/2017 đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006425 ngày 17/7/2017. Anh C phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh C, chị T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình